TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2018/DS-PT
Ngày 29-8-2018
V/v *Kiện đòi tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Vũ Thị Nguyệt**
- *Các Thẩm phán*: Ông **Nguyễn Hữu Hồng**
Ông **Huỳnh Châu Thạch**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà*: Bà **Trần Thị Nghị**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà*: Bà **Đỗ Thị Thúy,** kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2018/TLPT-DS ngày 06/7/2018, về việc "*Kiện đòi tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2018/QĐ-PT ngày 26/7/2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị Kim D**, sinh năm 1977

Địa chỉ: số 123B, thôn Tân T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền bà **Nguyễn Bá Thị T**, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn Phúc Thọ 2, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 03/7/2018).

* *Bị đơn:* Vợ chồng ông **Võ Kim L**, sinh năm 1966

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1976

Cùng địa chỉ: thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện theo ủy quyền bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1963. Địa chỉ: số 789 Hùng Vương, TT. Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 25/7/2018).

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Đỗ Thị H**, sinh năm 1951

Địa chỉ: Đội 12, xã V, huyện H, Tp.Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018).

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị T

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Thúy, bà Diện có mặt tại phiên tòa, các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Nguyễn Bá Thị T trình bày:*

Ngày 08/7/2011 bà Đặng Thị Kim D có cho vợ chồng ông Võ Kim L, bà Nguyễn Thị T vay số tiền 650.000.000 đồng, lãi suất 3% /tháng và trước đó vợ chồng ông L, bà T có vay của bà D nhiều khoản tiền khác nên còn nợ 40.000.000 đồng tiền lãi suất. Vì vậy, ngày 08/7/2011 hai bên viết giấy vay tiền thể hiện vợ chồng ông L, bà T vay 650.000.000 đồng gốc và còn nợ 40.000.000 đồng lãi, thời hạn trả nợ là ngày 20/12/2011.

Khi vay vợ chồng ông L, bà T có thế chấp cho bà D một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 006078 đứng tên bà Đỗ Thị H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng đất ngày 31/01/2008 đối với diện tích 480m^2 thuộc thửa 588, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại thôn Liên Trung, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Đến hạn trả nợ bà D yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả nợ nhiều lần nhưng ông L, bà T không trả. Vì vậy, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà T phải trả cho bà D số tiền 690.000.000 đồng. Ngoài ra bà D không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Ngày 08/7/2011 bà T có vay của bà Đặng Thị Kim D số tiền 650.000.000 đồng, lãi suất 6% /tháng, lãi suất một tháng 40.000.000 đồng nên bà D ghi giấy nợ thành 690.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 20/12/2011. Khi vay không có ông Võ Kim L nên ông L không biết việc vay tiền này, thời điểm này bà T có mượn bà Đỗ Thị H (là mẹ bà T) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 006078 đứng tên bà Đỗ Thị H được Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng đất ngày 31/01/2008 đối với diện tích 480m^2 thuộc thửa 588, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại thôn Liên Trung, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng để thế chấp cho bà D.

Sau đó đến hạn vào khoảng năm 2011 hay 2012 (bà không nhớ rõ) bà đã trả hết số tiền này cho bà D nhưng do sau đó bà vẫn tiếp tục vay tiền của bà D nên bà T không lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về mà bà T chỉ lấy lại bản gốc giấy vay tiền ngày 08/7/2011.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả cho bà D số tiền 690.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà đã trả hết nợ cho bà D. Ngoài ra bà T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Võ Kim L trình bày: Ông có biết việc bà D khởi kiện vợ chồng ông phải trả số tiền 690.000.000 đồng. Tuy nhiên, việc vay nợ, trả nợ là do vợ ông (bà T) và bà D thỏa thuận với nhau, ông không vay và không ký nhận gì với bà D nên ông không biết hai bên vay nợ như thế nào, vì không liên quan tới ông nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định. Đồng thời, do công việc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

** Ông Bùi Văn T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày:*

Bà Đặng Thị Kim D cho vợ chồng ông Võ Kim L, bà Nguyễn Thị T vay tiền và bà T có cầm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị H cho bà D. Bà H không biết và cũng không ký vào giấy vay tiền nào. Vì vậy, ông Tỵ yêu cầu bà D trả lại sổ đỏ cho bà H còn việc vợ chồng ông L, bà T có vay tiền của bà D hay không thì đề nghị Tòa án xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải nhưng việc hòa giải không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-PT ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện L đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Kim D đối với bà Nguyễn Thị T về việc kiện đòi tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Đặng Thị Kim D số tiền 690.000.000 đồng (*sáu trăm chín mươi triệu đồng*).

Buộc bà Đặng Thị Kim D phải trả cho bà Đỗ Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 006078 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng đất ngày 31/01/2008 cho bà Đỗ Thị H đối với diện tích 480m^2 thuộc thửa 588, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại thôn Liên Trung, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

- Ngày 31/5/2018 bà T kháng cáo không đồng ý trả cho bà D số tiền 690.000.000 đồng.

- Tại Quyết định kháng nghị số 455/QĐKNPT-VKS-DS ngày 15/6/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, kháng nghị yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời, nêu quan điểm đề nghị: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp*: Bà D cho rằng ngày 08/7/2011 bà có cho vợ chồng ông L, bà T vay số tiền 690.000.000 đồng, hẹn đến ngày 20/12/2011 sẽ trả nhưng đến hẹn không trả. Do đó, bà D khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông L, bà T trả số tiền trên. Bà T cho rằng đã trả hết nợ và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Kiện đòi tài sản*" là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ cấp sơ thẩm đã thu thập, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm đã thể hiện.

Theo giấy vay tiền ngày 08/7/2011 vợ chồng ông L, bà T có nợ bà D số tiền 650.000.000 đồng và 40.000.000 đồng tiền lãi, lãi suất 3%/ tháng, hẹn đến ngày 20/12/2011 sẽ trả gốc, giấy vay tiền chỉ có một mình bà T ký, ông L không ký. Tuy nhiên, nguyên đơn không cung cấp được bản chính giấy vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Hơn nữa, bị đơn cũng không thừa nhận nên việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào chứng cứ duy nhất là bản phô tô giấy vay tiền ghi ngày 08/7/2011 (BL 06) để tuyên buộc bà Nguyễn Thị T phải có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị Kim D số tiền 690.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã quy định: "*Tài liệu đọc được nội D được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực H pháp hoặc do cơ quan quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận*".

Việc bà T thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà H cho bà D nhưng không tuân thủ các điều kiện theo quy định về bảo lãnh, thế chấp. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng: bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện số tiền 690.000.000 đồng không được chấp nhận là:20.000.000 đồng +

(290.000.000 đồng x 4%) = 31.600.000 đồng. Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Kim D đòi bị đơn bà Nguyễn Thị T trả lại số tiền 690.000.000 đồng.

Buộc bà Đặng Thị Kim D phải trả cho bà Đỗ Thị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 006078 do UBND huyện L cấp quyền sử dụng đất ngày 30/01/2008 cho bà Đỗ Thị H đối với diện tích 480m^2 thuộc thửa 588, tờ bản đồ 09 tọa lạc tại thôn Liên Trung, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí: Buộc bà Đặng Thị Kim D phải chịu 31.600.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 15.800.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí biên lai thu số 0003284 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L. Bà D còn phải nộp 15.800.000 đồng tiền án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000601 ngày 18/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng **Huỳnh Châu Thạch** **Vũ Thị Nguyệt**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ &THA;
- TAND huyện L;
- Chi cục thi hánh án dân sự huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nguyệt